

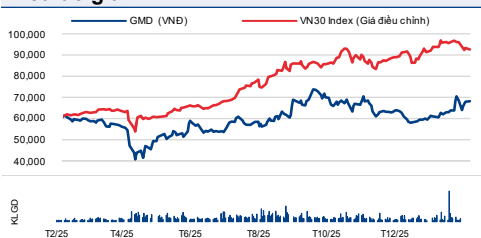
Mua vào

Giá mục tiêu: VND79,400
Tiềm năng tăng/giảm: 16.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (2/2/2026)	68,200
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,841-74,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	68,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	28,658
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,101
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	4,832	5,983	6,839
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,218	2,771	3,391
LNTT (tỷ đồng)	2,080	2,351	2,781
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,251	1,421	1,681
FCF (tỷ đồng)	48.3	(839)	1,911
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,332	3,941
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478
BVPS (đồng)	29,919	31,704	34,328
T.trưởng EBITDA (%)	25.5	24.9	22.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(51.9)	3.89	17.0
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	46.3	49.6
Tỷ suất LNTT (%)	43.0	39.3	40.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.2	25.8	26.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	62.8	40.3	34.5
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.4)	3.65	2.09
ROAE (%)	13.9	11.9	13.0
ROACE (%)	7.25	7.58	8.72
EV/doanh thu (lần)	5.54	4.97	4.31
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.1	10.7	8.69
P/E ĐC (lần)	22.6	20.5	17.3
P/B (lần)	2.28	2.15	1.99
Lợi suất cổ tức (%)	3.25	2.17	2.17

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2025: Lợi nhuận thuần tăng 119%, vượt mạnh kỳ vọng

- Lợi nhuận thuần Q4/2025 của GMD tăng mạnh 119% so với cùng kỳ (và 63% so với quý trước) đạt 513 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 1,6 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước). Trong khi doanh thu thuần tương đương dự báo, lợi nhuận thuần cao hơn 35% so với ước tính của HSC nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện, đóng góp lợi nhuận từ GML và lợi nhuận tài chính.
- Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 5,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22%) và 1,65 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15%), bằng lần lượt 99% và 107% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi. Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên 336 tỷ đồng từ thoái vốn cảng Nam Hải trong năm 2024, LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2025 tăng trưởng mạnh 42% đạt 2,5 nghìn tỷ đồng.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh gần đây.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

GMD ghi nhận KQKD Q4/2025 tích cực với doanh thu thuần đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 513 tỷ đồng (tăng 118% so với cùng kỳ và 63% so với quý trước, cao hơn 35% so với dự báo). Cụ thể:

Doanh thu thuần: được hỗ trợ nhờ sản lượng và giá dịch vụ bình quân tăng

Doanh thu thuần Q4/2025 tăng 14% so với cùng kỳ (và 4% so với quý trước) đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, trong đó doanh thu từ mảng cảng tăng 12% so với cùng kỳ (và 4% so với quý trước) đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 88,7% tổng doanh thu thuần, so với 90,4% trong Q4/2024), trong khi doanh thu từ mảng logistics và các mảng khác tăng 35% so với cùng kỳ (nhưng giảm 3% so với cùng kỳ) đạt 182 tỷ đồng (chiếm 11,3% tổng doanh thu thuần, so với 9,6% trong Q4/2024).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025, GMD

Lợi nhuận thuần Q4/2025 tăng mạnh 119% so với cùng kỳ (và 63% so với quý trước) đạt 513 tỷ đồng, vượt 35% dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	2025	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	1,412	1,614	14.4%	3.5%	4,832	5,949	23.1%	99.4%
Lợi nhuận gộp	629	766	21.7%	14.9%	2,135	2,639	23.6%	
Lợi nhuận tài chính	14	102	651.5%	-501.5%	176	86	-51.3%	
Lợi nhuận từ LD, LK	313	389	24.5%	31.0%	829	1,155	39.2%	
Chi phí BH&QL	(270)	(355)	31.2%	11.1%	(822)	(1,091)	32.7%	
LNTT	351	734	109.0%	43.5%	2,099	2,506	19.4%	104.6%
Lợi nhuận thuần	235	513	118.8%	62.9%	1,455	1,677	15.2%	107.1%
TS LN gộp	44.6%	47.4%			44.2%	44.4%		
Chi phí BH&QL/DT	-19.1%	-22.0%			-17.0%	-18.3%		
TS LNTT	24.9%	45.5%			43.4%	42.1%		
TS LN thuần	16.6%	31.8%			30.1%	28.2%		

Nguồn: GMD, HSC

Mức tăng 12% của doanh thu mảng cảng trong Q4/2025 được hỗ trợ nhờ sản lượng container qua các cảng của GMD (không bao gồm GIL) tăng 7% so với cùng kỳ, cùng với giá dịch vụ bình quân tăng nhờ cung cấp thêm các dịch vụ bổ sung. Trong đó, sản lượng tại Phước Long tăng 27% so với cùng kỳ, đạt 502.000 TEU, bù đắp cho mức giảm 12% so với cùng kỳ tại Nam Đình Vũ (379.752 TEU).

Tính chung cả năm, tổng sản lượng hàng hóa qua các cảng của GMD (không bao gồm GIL) tăng trưởng 17% đạt 3,1 triệu TEU, trong đó sản lượng tại Nam Đình Vũ tăng trưởng 11% đạt 1.495.600 TEU, trong khi sản lượng tại Phước Long tăng trưởng 24% đạt 1.652.400 TEU.

Tỷ suất lợi nhuận gộp mở rộng nhờ giá dịch vụ bình quân cao hơn và kiểm soát chi phí hiệu quả

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 tăng thêm 2,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ và 4,7 điểm phần trăm so với quý trước, đạt 47,4%, nhờ cải thiện nhẹ tại mảng cảng (đạt 47,2% trong Q4/2025, so với 45,2% trong Q4/2024 và 42,9% trong Q3/2025), trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp mảng logistics tăng mạnh (đạt 49,2% trong Q4/2025, so với 38,1% trong Q4/2024 và 41,7% trong Q3/2025).

Việc mở rộng tỷ suất lợi nhuận chủ yếu nhờ giá dịch vụ bình quân cao hơn và kiểm soát chi phí hiệu quả..

Lợi nhuận tài chính và “thu nhập khác thuần” hỗ trợ KQKD

Lợi nhuận tài chính Q4/2025 tăng gấp 6,5 lần so với cùng kỳ, đạt 102 tỷ đồng, chủ yếu nhờ thu nhập lãi tăng gấp 3,5 lần đạt 71 tỷ đồng trong Q4/2025, so với 20 tỷ đồng trong Q4/2024.

Trong khi đó, “lỗ khác thuần” thu hẹp đáng kể xuống 168 tỷ đồng trong Q4/2025, từ mức 334 tỷ đồng trong Q4/2024, dù tăng so với mức 107 tỷ đồng trong Q3/2025. Dù Công ty không công bố thông tin chi tiết nhưng khoản mục này nhiều khả năng liên quan chủ yếu đến trích lập dự phòng cho các dự án cao su.

Lợi nhuận đóng góp từ các công ty liên doanh & liên kết tăng mạnh

Lợi nhuận đóng góp từ các công ty liên doanh & liên kết trong Q4/2025 tăng mạnh 25% so với cùng kỳ (và 31% so với quý trước) đạt 389 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lợi nhuận tăng mạnh tại cảng nước sâu Gemalink (GIL; chưa niêm yết, được hạch toán theo phương pháp vốn CSH theo điều lệ của GIL) với lợi nhuận đạt 301 tỷ đồng (tăng 31% so với cùng kỳ và 45% so với quý trước), chiếm 77% tổng đóng góp lợi nhuận từ các công ty liên doanh & liên kết trong Q4/2025.

Lưu ý, trong Q4/2025, cảng GIL đã tiếp nhận xử lý tổng cộng 527.470 TEU hàng hóa (tăng 19% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước). Tính chung cả năm, GIL tiếp nhận xử lý 1,9 triệu TEU hàng hóa (tăng trưởng 10%) và ghi nhận lợi nhuận thuần 827 tỷ đồng (tăng trưởng 51%). Chúng tôi lưu ý rằng GML đóng góp 33% lợi nhuận thuần của GMD trong năm 2025.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu sau KQKD Q4/2025 tích cực hơn kỳ vọng và đã tăng mạnh gần đây của giá cổ phiếu. Chúng tôi lưu ý rằng giá cổ phiếu GMD đã tăng 10% trong 1 tháng qua nhờ tâm lý thị trường tích cực trước việc Bộ Xây dựng mới đây đã phê duyệt mức tăng 10% phí xếp dỡ tại các cảng nước sâu của Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 1/2/2026, trong đó GML là một trong những đơn vị hưởng lợi chính.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,846	4,832	5,983	6,839	7,650
Lợi nhuận gộp	1,776	2,162	2,437	2,854	3,208
Chi phí BH&QL	(660)	(816)	(1,017)	(1,163)	(1,301)
Thu nhập khác	(69.0)	(611)	(141)	(68.4)	(76.5)
Chi phí khác	53.1	262	26.4	34.2	38.3
EBIT	1,100	996	1,305	1,657	1,869
Lãi vay thuần	1,772	267	4.88	(82.0)	(21.9)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	272	816	1,041	1,206	1,258
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,144	2,080	2,351	2,781	3,105
Chi phí thuế TNDN	(642)	(174)	(282)	(307)	(360)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(280)	(446)	(524)	(647)	(711)
LNST không thường xuyên	-	(92.0)	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,222	1,459	1,545	1,827	2,034
Lợi nhuận thuần ĐC	2,158	1,251	1,421	1,681	1,871
EBITDA ĐC	1,767	2,218	2,771	3,391	3,701
EPS (đồng)	7,335	3,525	3,663	4,283	4,768
EPS ĐC (đồng)	7,126	3,021	3,332	3,941	4,387
DPS (đồng)	2,551	2,216	1,478	1,478	1,478
Sig CP bình quân (triệu đv)	303	414	422	426	426
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	306	414	426	426	426
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	306	414	426	426	426

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,474	3,964	3,187	3,061	4,284
Đầu tư ngắn hạn	356	1,021	1,257	1,437	1,607
Phải thu khách hàng	1,212	1,235	1,541	1,768	1,983
Hàng tồn kho	68.2	83.4	103	118	132
Các tài sản ngắn hạn khác	290	372	460	526	588
Tổng tài sản ngắn hạn	3,401	6,676	6,549	6,910	8,595
TSCĐ hữu hình	3,894	3,786	6,180	5,670	5,115
TSCĐ vô hình	258	247	239	230	221
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,799	1,766	1,444	1,457	1,471
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,083	3,792	4,666	5,757	5,757
Tài sản dài hạn khác	1,107	1,719	2,108	2,403	2,684
Tổng tài sản dài hạn	10,141	11,310	14,636	15,517	15,247
Tổng cộng tài sản	13,542	17,986	21,185	22,427	23,842
Nợ ngắn hạn	446	422	523	597	668
Phải trả người bán	508	462	572	653	731
Nợ ngắn hạn khác	901	1,146	1,419	1,622	1,814
Tổng nợ ngắn hạn	1,936	2,107	2,609	2,982	3,336
Nợ dài hạn	1,518	1,745	3,149	2,759	2,369
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	381	380	470	538	601
Tổng nợ dài hạn	1,899	2,125	3,619	3,296	2,970
Tổng nợ phải trả	3,836	4,232	6,228	6,278	6,306
Vốn chủ sở hữu	8,558	12,386	13,521	14,641	15,953
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,149	1,368	1,436	1,508	1,583
Tổng vốn chủ sở hữu	9,707	13,753	14,957	16,149	17,536
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,542	17,986	21,185	22,427	23,842
BVPS (đ)	27,975	29,919	31,704	34,328	37,404
Nợ thuần*/(tiền mặt)	490	(1,797)	484	295	(1,247)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,100	996	1,305	1,657	1,869
Khấu hao	(395)	(406)	(424)	(528)	(574)
Lãi vay thuần	1,772	267	4.88	(82.0)	(21.9)
Thuế TNDN đã nộp	(625)	(242)	(282)	(307)	(360)
Thay đổi vốn lưu động	(836)	(5.03)	(890)	(836)	(783)
Khác	(2,268)	(681)	40.8	30.1	28.5
LCT thuần từ HKKD	(88.2)	1,647	1,971	1,921	2,182
Đầu tư TS dài hạn	(1,068)	(1,598)	(2,810)	(9.82)	(10.1)
Góp vốn & đầu tư	(803)	(1,224)	(874)	(1,091)	0
Thanh lý	2,447	382	0	0	0
Khác	437	944	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,013	(1,497)	(3,684)	(1,101)	(10.1)
Cổ tức trả cho CSH	(780)	(917)	(630)	(630)	(630)
Thu từ phát hành CP	45.2	3,059	62.1	0	0
Tăng/giảm nợ	(45.3)	220	1,504	(315)	(319)
Khác	(35.4)	(24.9)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(816)	2,337	936	(946)	(949)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,364	1,474	3,964	3,187	3,061
LCT thuần trong kỳ	109	2,487	(777)	(126)	1,222
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.49	3.15	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,474	3,964	3,187	3,061	4,284
Dòng tiền tự do	(1,156)	48.3	(839)	1,911	2,172

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.2	44.7	40.7	41.7	41.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	45.9	46.3	49.6	48.4
Tỷ suất LNT (%)	57.8	30.2	25.8	26.7	26.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.4	8.39	12.0	11.0	11.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.34)	25.6	23.8	14.3	11.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(4.16)	25.5	24.9	22.4	9.15
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	136	(42.0)	13.6	18.3	11.3
Tăng trưởng EPS (%)	122	(51.9)	3.89	17.0	11.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	135	(57.6)	10.3	18.3	11.3
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	(13.1)	(33.3)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.8	62.8	40.3	34.5	31.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	13.9	11.9	13.0	13.3
ROACE (%)	10.3	7.25	7.58	8.72	9.36
Vòng quay tài sản (lần)	0.29	0.31	0.31	0.31	0.33
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.08)	1.65	1.51	1.16	1.17
Số ngày tồn kho	12.0	11.4	10.6	10.8	10.8
Số ngày phải thu	214	169	159	162	163
Số ngày phải trả	89.6	63.1	58.8	59.8	60.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	5.78	(14.4)	3.65	2.09	(7.74)
Nợ/tài sản (%)	14.5	12.1	17.4	15.0	12.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	20.2	85.4
Nợ/EBITDA (lần)	1.32	1.55	2.13	1.54	1.25
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.76	3.17	2.51	2.32	2.58
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.76	5.54	4.97	4.31	3.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.5	12.1	10.7	8.69	7.52
P/E (lần)	9.30	19.3	18.6	15.9	14.3
P/E ĐC (lần)	9.57	22.6	20.5	17.3	15.5
P/B (lần)	2.44	2.28	2.15	1.99	1.82
Lợi suất cổ tức (%)	3.74	3.25	2.17	2.17	2.17

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn